

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh xuất bản phẩm
của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1467/QĐ-KĐCLGDTL ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 23 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 04 chương trình đào tạo của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh xuất bản phẩm của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 23 ngày 25 và 26 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh xuất bản phẩm của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh xuất bản phẩm của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh xuất bản phẩm của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 45 tiêu chí chiếm 90%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Văn hóa Hà Nội cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh xuất bản phẩm (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh xuất bản phẩm của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Văn hóa Hà Nội;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Phí Thị Nguyệt Thanh



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

**Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh xuất bản phẩm
của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội**

*(Kèm theo Nghị quyết số 171/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.2	4	4,20	5	100
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	5			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4	4,00	7	100	Tiêu chí 10.3	3	4,00	4	80
Tiêu chuẩn 6					Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4	Tiêu chí 11.2	3	4,00	4	80			
Tiêu chí 6.6	4	Tiêu chí 11.3	5						
Tiêu chí 6.7	4	Tiêu chí 11.4	4						
					Tiêu chí 11.5	4			
Mức trung bình		Số tiêu chí đạt			Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)				
3,96		45			90				



Phụ lục II

KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh xuất bản phẩm của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số 171/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Kinh doanh xuất bản phẩm của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, giai đoạn 2020 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng. Các chuẩn đầu ra của CTĐT đã nêu được cụ thể về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm. Nhà trường đã chú trọng lấy kiến của các bên liên quan góp ý khi rà soát, điều chỉnh, phát triển và hoàn thiện chuẩn đầu ra và CTĐT.

2. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin theo quy định và được cập nhật theo quy định. Đề cương chi tiết các học phần đầy đủ thông tin và được cập nhật theo kế hoạch của Nhà trường. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai với nhiều hình thức, người học và các bên liên quan khác dễ dàng tiếp cận.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp và thể hiện trong đề cương chi tiết của từng học phần. Người học đánh giá cao các phương pháp giảng dạy của giảng viên.

4. Triết lý giáo dục của Trường được ban hành, giải thích rõ ràng, giúp giảng viên và người học hiểu rõ để vận dụng. Giảng viên sử dụng tương đối đa dạng các phương pháp giảng dạy khác nhau, có ứng dụng công nghệ trong các hoạt động dạy học. Các hoạt động tự học được quy định, hướng dẫn đầy đủ. Các phương pháp giảng dạy, giúp người học dễ tiếp thu kiến thức, tạo động lực học tập cho người học, được người học đánh giá cao.

5. Trường có quy định đánh giá kết quả học tập rõ ràng, có hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/ công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với hình thức kiểm tra đánh giá. Các tài liệu/ hướng dẫn đánh giá kết quả học tập của người học có đầy đủ nội dung cụ thể theo quy định và được công khai, phổ biến tới người học với nhiều hình thức trước mỗi kỳ học. Giảng viên ngành Kinh doanh xuất bản phẩm sử dụng khá nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá khác nhau. Quy định về phản hồi kết quả đánh giá có đầy đủ các nội dung cụ thể, được công khai tới giảng viên và người học kịp thời. Kết quả đánh giá được phổ biến tới người học kịp thời, đúng theo quy định và được người học đánh giá tốt. Quy định về khiếu nại kết quả đánh giá có các nội dung cụ thể, rõ ràng. Tỷ lệ người học có đơn xin phúc khảo bài thi, khiếu nại về kết quả đánh giá trong chu kỳ đánh giá khá ít.

6. Nhà trường có quy hoạch, kế hoạch chiến lược và hàng năm rất chi tiết và thực hiện khá hiệu quả việc xây dựng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên đảm bảo yêu cầu CTĐT. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng chức danh, làm cơ sở để đánh giá, xếp loại, bổ nhiệm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện khá hiệu quả. Nhà trường/Khoa thực hiện chặt chẽ việc quản trị công việc của giảng viên, nghiên cứu viên theo quy định. Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên CTĐT đạt kết quả khá cao.

7. Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện dựa trên dự báo nhu cầu thực tế trong hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đáp ứng yêu cầu công việc được giao, góp phần hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Nhà trường. Các văn bản quy định về tuyển dụng, chuyển đổi vị trí công tác được ban hành với các tiêu chí rõ ràng, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, được phổ biến rộng rãi thông qua nhiều kênh thông tin khác nhau nhằm đảm bảo sự tiếp cận và thực hiện thống nhất. Hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được xây dựng đầy đủ; có các quy trình ISO về tuyển dụng và ký hợp đồng lao động, quy hoạch cán bộ quản lý, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức. Triển khai đánh giá hiệu quả công việc dựa trên mô tả năng lực vị trí việc làm; đội ngũ nhân viên có tham gia xây dựng, góp ý quy định đánh giá hiệu quả công việc và hài lòng với kết quả đánh giá.

8. Các chính sách và quy định tuyển sinh, các tiêu chí và phương thức xét tuyển người học được xác định rõ ràng, được rà soát và đánh giá hàng năm. Trường đã phân công rõ trách nhiệm và ban hành khá đầy đủ các quy định/quy trình về giám sát sự tiến bộ của người học. Trường có sự phân công trách nhiệm rõ ràng cho các đơn vị về công tác tư vấn và hỗ trợ trong học tập, tư vấn việc làm cho người học. Trường và khoa chuyên môn triển khai thực hiện đa dạng các hoạt động ngoại khoá, hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học trong học tập, tư vấn việc làm. Trường luôn quan tâm xây dựng môi trường tâm lý, xã hội, không khí làm việc, học tập thân thiện, môi trường sư phạm tốt, giữ gìn cảnh quan xanh, sạch đẹp, đảm bảo các điều kiện an ninh, an toàn.

9. Nhà trường có hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu. Thư viện có các quy định, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ, khai thác tài nguyên thư viện; có đủ học liệu theo đề cương học phần; có phần mềm quản lý, theo dõi hoạt động thư viện hiện đại (SIERRA, Dspace). Tòa nhà thư viện có không gian đẹp, thân thiện, được trang thiết bị, máy móc và phần mềm hiện đại. Ngành Kinh doanh xuất bản phẩm được thực hành tại 05 phòng thực hành tin học, phòng thực hành thông minh đa năng, nhà văn hóa được trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị như: tivi, máy chiếu, máy tính, điều hòa, bàn, ghế, hệ thống âm thanh, camera, quạt, hệ thống thông gió. Đối với ngành Kinh doanh xuất bản phẩm, Nhà trường đã ký kết hợp tác thực hành với hệ thống 09 nhà xuất bản, doanh nghiệp sách. Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư đầy đủ với máy tính, hạ tầng và các phần mềm hỗ trợ có bản quyền, được duy tu, bảo dưỡng và nâng cấp hàng năm phục

vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy trực tuyến. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác lập theo các quy định hiện hành và được triển khai thực hiện trên cơ sở các quy trình do Trường ban hành, các năm trong giai đoạn đánh giá được đơn vị chuyên môn kiểm tra, giám sát và tổng hợp báo cáo kết quả.

10. Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT của Nhà trường được ban hành, rà soát và cải tiến trong chu kỳ đánh giá; Hoạt động rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học được thực hiện. giảng viên của Khoa/Bộ môn tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có các nghiên cứu ứng dụng vào giảng dạy cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định từ Ban Giám hiệu đến các cơ quan đơn vị và cụ thể từng đối tượng của Nhà trường và được đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các các bên liên quan.

11. Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo theo năm học, cơ sở dữ liệu người học, sử dụng phần mềm quản lý đào tạo theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học. Trườn có cơ sở dữ liệu để thống kê, phân tích, tìm hiểu nguyên nhân của các trường hợp chậm tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên các CTĐT sau 1 năm tốt nghiệp, dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp được cập nhật. Nội dung và hình thức nghiên cứu khoa học của sinh viên được xác định. Thực hiện các hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên, người học về các lĩnh vực đào tạo, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát mục tiêu cụ thể của CTĐT để thể hiện hết nội hàm mục tiêu chung của CTĐT; bổ sung chuẩn đầu ra của CTĐT đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam; rà soát, đảm bảo các chuẩn đầu ra được tuyên bố một cách cụ thể rõ ràng, xây dựng các chỉ báo cho các chuẩn đầu ra; thực hiện phân tích, đánh giá một cách đầy đủ về nhu cầu của thị trường lao động ngành Kinh doanh xuất bản phẩm; cập nhật chuẩn đầu ra năm 2024 trên website của Nhà trường.

2. Rà soát, cập nhật ma trận tích hợp các học phần và chuẩn đầu ra; có biện pháp hữu hiệu trong giới thiệu và phổ biến các thông tin về CTĐT, chuẩn đầu ra và bản mô tả CTĐT đến người học và các bên liên quan; rà soát bổ sung thông tin về tài liệu chính và tài liệu tham khảo trong vòng 5 năm ở các đề cương học phần.

3. Rà soát ma trận thể hiện mối liên quan một cách rõ ràng thể hiện sự đóng góp của các học phần đạt chuẩn đầu ra của chương trình dạy học; rà soát cấu trúc chương trình dạy học để xác định, sắp xếp các học phần tự chọn và bắt buộc hợp lý hỗ trợ phát triển năng lực của người học.

4. Xây dựng cơ chế giám sát cách thức thực hiện triết lý giáo dục nhằm giúp người học, giảng viên thấm nhuần và thống nhất trong hành động triển khai thực hiện triết lý giáo dục; áp dụng hệ thống giảng dạy trực tuyến như LMS để giúp người học có thể học tập mọi lúc mọi nơi, nhất là với người học ngành Kinh doanh xuất bản phẩm thường xuyên học tập ở thực địa, thực tế; ban hành quy định về việc kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động tự học của người học.

5. Xây dựng quy định về hướng dẫn lựa chọn các phương pháp kiểm tra đánh giá; hướng dẫn giảng viên xây dựng các rubric đánh giá nhất là các rubric đánh giá kỹ năng chuyên ngành; xác định các phương pháp phổ biến quy định về phản hồi kết quả học tập hết học phần của người học hiệu quả; xây dựng ma trận đề thi một cách cụ thể và rõ ràng, xác định rõ trọng số về nội dung, các mức độ nhận thức; rà soát lựa chọn hình thức thi ở một số học phần phù hợp; xây dựng rubric đánh giá thực hành phù hợp; ban hành quy định về thời gian công bố điểm thi và điểm phúc khảo cho người học kể từ lúc thi; thực hiện các hoạt động đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học.

6. Có giải pháp tuyển dụng giảng viên cho CTĐT và nâng tương ứng tỷ lệ giảng viên là tiến sĩ tham gia giảng dạy các học phần giáo dục chuyên nghiệp; xác định đầy đủ, rõ ràng bộ năng lực của giảng viên, nghiên cứu viên, thể hiện qua và lượng hóa tối đa các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn bổ nhiệm, điều chuyển, đánh giá, xếp loại giảng viên sao cho đánh giá đầy đủ và chính xác các năng lực của giảng viên, nghiên cứu viên; mở rộng số giảng viên của CTĐT tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học quốc tế, lập kế hoạch đề có đề tài cấp Nhà nước.

7. Phân tích, dự báo và đặt ra các mục tiêu chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh của Nhà trường; lượng hóa các tiêu chí tuyển dụng, phản ánh đầy đủ các yêu cầu về năng lực và kỹ năng đã được mô tả chi tiết cho từng vị trí việc làm; bổ sung các tiêu chí liên quan đến năng lực số, khả năng ứng dụng công nghệ và thích ứng với đổi mới trong môi trường làm việc hiện đại vào tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá có tính định lượng về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên theo vị trí công việc; tổ chức đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng của từng vị trí việc làm để cải tiến, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên đáp ứng mục tiêu chiến lược của Trường; xây dựng phần mềm để sử dụng trong quản trị theo kết quả công việc, giám sát, đánh giá chất lượng công việc của đội ngũ nhân viên hiệu quả và chuyên nghiệp hơn, đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số hiện nay.

8. Tăng cường và đổi mới phương thức thu thập ý kiến góp ý của các bên liên quan ngoài trường về các chính sách và quy định tuyển sinh, các tiêu chí và phương thức xét tuyển người học; rà soát, điều chỉnh các tiêu chí và phương pháp xét tuyển người học để có sự điều chỉnh phù hợp, đảm bảo kết quả tuyển sinh

được ổn định; rà soát hệ thống văn bản quy định giám sát sự tiến bộ của người học để có sự cập nhật, điều chỉnh kịp thời và phù hợp; xây dựng cơ chế khuyến khích người học tham gia các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học trong học tập đầy đủ hơn; tổ chức Hội nghị tổng kết đánh giá các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học làm căn cứ cải tiến các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được hiệu quả; bổ sung không gian học tập mở phục vụ việc tự học, tự nghiên cứu của người học và thiết kế bộ câu hỏi khảo sát về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan với các tiêu chí sâu hơn nhằm đánh giá được chính xác.

9. Có kế hoạch sắp xếp phòng làm việc cho giảng viên đảm bảo theo quy định hiện hành tại Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT; rà soát quy định hướng dẫn viết giáo trình, tài liệu để ban hành hướng dẫn chung trong việc biên soạn giáo trình theo đề cương học phần đảm bảo thống nhất chung trong toàn Trường theo quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT; tách riêng kết quả khảo sát về mức độ phù hợp của thư viện về các nguồn học liệu cho ngành Kinh doanh xuất bản phẩm; rà soát và điều chỉnh nội dung trong các phiếu hỏi, nên có phiếu hỏi riêng cho hoạt động khảo sát sự hài lòng của giảng viên, người học về mức độ phù hợp của phòng thực hành, thí nghiệm chuyên ngành Kinh doanh xuất bản phẩm để có đủ cơ sở cải tiến, nâng cao hiệu quả sử dụng các phòng thực hành chuyên ngành; rà soát, xây dựng phần mềm quản trị đại học tổng thể để đồng bộ quản lý được các hoạt động trong toàn trường, thuận lợi cho việc kết xuất dữ liệu báo cáo thống kê; có kế hoạch xây dựng bài giảng elearning đáp ứng với xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục đại học; rà soát lại câu hỏi khảo sát lấy ý kiến của giảng viên, nhân viên và sinh viên về mức độ đáp ứng của hệ thống công nghệ thông tin, xây dựng các bộ câu hỏi khác nhau phù hợp với từng đối tượng hỏi và từng ngành học đảm bảo thu được thông tin hữu ích để cải tiến chất lượng; xây dựng văn bản quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn do Nhà trường ban hành, rà soát và điều chỉnh bộ câu hỏi biệt lưu ý tới đối tượng là người khuyết tật).

10. Lựa chọn, lấy ý kiến các bên liên quan ngoài trường với số lượng nhiều hơn (nhất là ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia về Quản lý giáo dục, đảm bảo chất lượng, các giảng viên có kinh nghiệm về xây dựng CTĐT cùng ngành...) khi xây dựng/rà soát CTĐT; ban hành quy định về rà soát hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá; thực hiện hoạt động dự giảng, bình giảng cần nhận xét, đánh giá đầy đủ các hạn chế của phương pháp giảng dạy (đặc biệt lưu ý sự phù hợp của phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần) để cải tiến hoạt động giảng dạy; định kỳ tổ chức phân tích, đánh giá về sự tương thích giữa phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra; quan tâm khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học về phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập; hàng năm ban hành kế hoạch cải tiến tổng thể các hoạt động sau khảo sát các bên liên quan và thực hiện giám sát, tổng kết đánh giá hoạt động cải tiến nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động khảo sát.

11. Quan tâm thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục trong nước và khu vực có CTĐT tiên tiến tương ứng về tỷ lệ tốt nghiệp, thời học, trên cơ sở đó xây

dựng báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học tham gia CTĐT và đề xuất các biện pháp cải tiến phù hợp; thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về tính hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ người học tốt nghiệp đúng thời gian quy định để có cơ sở tiếp tục điều chỉnh, đề xuất các giải pháp phù hợp giúp người học thực hiện hiệu quả khả năng tốt nghiệp đúng thời hạn; thực hiện đối sánh tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm giữa CTĐT của cơ sở giáo dục với các CTĐT cùng ngành của các trường đại học trong nước, phân tích, đánh giá kết quả đối sánh tỷ lệ người học tốt nghiệp CTĐT có việc làm trong nội bộ cơ sở giáo dục và các cơ sở giáo dục trong nước, khu vực; có giải pháp cụ thể, phù hợp để lựa chọn một số cơ sở giáo dục cho hoạt động đối sánh về loại hình, số lượng nghiên cứu khoa học cùng ngành đào tạo, kết quả đối sánh được sử dụng để cải tiến số lượng, chất lượng nghiên cứu khoa học của người học; sử dụng dữ liệu của hoạt động đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng các lĩnh vực này, từng bước góp phần nâng cao chất lượng của CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh doanh xuất bản phẩm của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.